TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2019/QĐST - HNGĐ	*TP. Thanh Hoá, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 119/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Ng□ời yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Vũ Chí C - sinh năm 1953
- Bà Lê Thị L - sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Chí C và bà Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả ông, bà đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông C, bà L thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật HN và GĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vũ Chí C và bà Lê Thị L

[2]. Về con chung: Ông C, bà L có 01 con chung là cháu Vũ Lê Ngọc L2 - sinh ngày 23/12/2006. Ly hôn ông, bà thỏa thuận giao cháu L2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L2 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Vũ Lê Ngọc L2 thành niên. Tổng số tiền cấp dưỡng từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu Vũ Lê Ngọc L2 đủ 18 tuổi là: 3.000.000đồng/ tháng x 69 tháng = 207.000.000 đồng (Hai trăm L2 bảy triệu đồng).

Số tiền cấp dưỡng được ông Vũ Chí C thanh toán làm hai đợt:

+ Đợt 1: Thanh toán 103.500.000 đồng (Một trăm L2 ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 20/03/2019.

+ Đợt 2: Thanh toán 103.500.000 đồng (Một trăm L2 ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 30/4/2019.

[3]. Về tài sản chung: Ông C, bà L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Ông C cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận thương binh. Đồng thời, ông có đơn đề nghị được miễn lệ phí Tòa án. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14; Điều 1 phần I mục B Danh mục án phí lệ phí Tòa án kèm theo Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn lệ phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Chí C, bà L chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Chí C và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông C, bà L có 01 con chung là cháu Vũ Lê Ngọc L2 - sinh ngày 23/12/2006. Giao cháu L2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu L2 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Vũ Lê Ngọc L2 thành niên. Tổng số tiền cấp dưỡng từ tháng 3/2019 cho đến khi cháu Vũ Lê Ngọc L2 đủ 18 tuổi là: 3.000.000đồng/ tháng x 69 tháng = 207.000.000 đồng (Hai trăm L2 bảy triệu đồng).

Số tiền cấp dưỡng được ông Vũ Chí C thanh toán làm hai đợt:

+ Đợt 1: Thanh toán 103.500.000 đồng (Một trăm L2 ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 20/03/2019.

+ Đợt 2: Thanh toán 103.500.000 đồng (Một trăm L2 ba triệu năm trăm ngàn đồng) vào ngày 30/4/2019.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông C, bà L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Miễn lệ phí dân sự sơ thẩm 150.000đ cho ông C, bà L chịu 150.000d lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Đ- ơng sự;
- VKSND Tp.Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Nga